TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **36**/2019/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên Phủ, ngày 28 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu sau đây:

- **Anh Bùi Đình N**; sinh năm: 1971. Địa chỉ: tổ 05, phường H, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- **Chị Hoàng Thị H**; sinh năm: 1974. Địa chỉ: tổ 05, phường H, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Anh N và chị H lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/10/1992 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Minh, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu; nay là thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; hôn nhân của anh chị phù hợp theo các quy định của Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau những năm đầu chung sống hạnh phúc, sau dần phát sinh mâu thuẫn, thời gian gần đây mâu thuẫn của anh chị ngày càng tăng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Ngày 20/5/2019 Tòa án tiến hành hòa giải để anh N và chị H quay về đoàn tụ, nhưng anh chị vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu được thuận tình ly hôn.

Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh N và chị H là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và đúng các quy định của pháp luật, Tòa án ghi nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh N và chị H có 02 con chung là cháu Bùi Đình Nam sinh ngày 22/12/1992, đến nay cháu Nam đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và cháu Bùi Thị Phương Linh sinh ngày 17/11/2005. Anh chị thống nhất thỏa thuận Chị H trực tiếp nuôi cháu Linh cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác và anh N cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/01 tháng *(ba triệu đồng)*, thời điểm tính cấp dưỡng từ tháng 5/2019; phương thức cấp dưỡng hằng tháng chuyển tiền vào số tài khoản của chị H.

[3] Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về Lệ phí Tòa án: Anh N và chị H đã thống nhất anh N nộp toàn bộ số tiền lệ phí là 300.000 đồng.

Các thỏa thuận trên của hai đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị H thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị H là người trực tiếp nuôi con chung là cháu Bùi Thị Phương Linh sinh ngày 17/11/2005 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/01 tháng *(Ba triệu đồng),* thời điểm tính cấp dưỡng từ tháng 5/2019; phương thức cấp dưỡng hằng tháng chuyển tiền vào tài khoản của chị H.

Chị H và anh N đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Anh N được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh N lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh N nộp toàn bộ số tiền lệ phí là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh N đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/0002300 ngày 13/5/2019 và 300.000đ tiền lệ phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Viện kiểm sát TP;
- Chi cục THADS TP;
- UBND phường Him Lam, TP Điện Biên Phủ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Văn Khanh